

92/2022 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TỈNH BÌNH THUẬN – LUỒNG VĨNH TÂN
– Giới hạn luồng, tìm luồng, vùng quay tàu, chú giải

Nguồn: Cục hàng hải Việt Nam, Quyết định số 845/QĐ-CHHVN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4VT001 (Phiên bản 2, cập nhật ngày 30 tháng 06 năm 2022)
– VN300022 (Phiên bản 1, cập nhật ngày 30 tháng 06 năm 2022)

Chèn	giới hạn luồng, nét đứt, nối:	(a) 11°18'01.39"N	108°53'08.22"E
		(b) 11°18'21.98"N	108°53'13.00"E
		11°18'46.87"N	108°53'46.04"E
		11°18'45.19"N	108°54'31.36"E
	giới hạn luồng, nét đứt, nối:	11°17'58.79"N	108°53'20.22"E
		11°18'16.17"N	108°53'22.14"E
		11°18'36.24"N	108°53'49.46"E
		11°18'39.60"N	108°54'06.55"E
		11°18'38.68"N	108°54'31.11"E
	tìm luồng, nét đứt, nối:	11°18'00.69"N	108°53'11.44"E
11°18'31.67"N		108°53'31.30"E	
11°18'42.85"N		108°54'06.68"E	
	Chú giải, luồng hàng hải chuyên dùng Cà Ná, dọc theo: (a) – (b) như trên		
Chèn	Giới hạn vùng quay tàu, nét đứt, bán kính 285m, chú giải kèm theo  , tâm tại:	11°18'41.56"N	108°54'41.22"E

**92/2022 – VIETNAM – BINH THUAN SEA PORT WATER – VINH TAN CHANNEL – channel
limits, centerline, swinging area, legend**

Source: VietNam maritime administration, Decision No. 845/QĐ-CHHVN

Chart affected – VN4VT001 (Edition No. 2, updated on June 30th, 2022)
– VN300022 (Edition No. 1, updated on June 30th, 2022)

Insert	limit of channel, pecked line, joining:	(a) 11°18'01.39"N	108°53'08.22"E
		(b) 11°18'21.98"N	108°53'13.00"E
		11°18'46.87"N	108°53'46.04"E

		11°18'45.19"N	108°54'31.36"E
	limit of channel, pecked line, joining:	11°17'58.79"N	108°53'20.22"E
		11°18'16.17"N	108°53'22.14"E
		11°18'36.24"N	108°53'49.46"E
		11°18'39.60"N	108°54'06.55"E
		11°18'38.68"N	108°54'31.11"E
	centerline, pecked line, joining:	11°18'00.69"N	108°53'11.44"E
		11°18'31.67"N	108°53'31.30"E
		11°18'42.85"N	108°54'06.68"E
	legend, Luong hang hai chuyen dung Ca Na, along:	(a) – (b) above	
Insert	limit of swinging area, pecked line, radius 285m, accompanying legend  at:	11°18'41.56"N	108°54'41.22"E
(All positions are affected to WGS 84 Datum)			
